TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-02-2024
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoa

2. Ông Đỗ Viết Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị K. N, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: B7/1xxF, Ấp A, xã T, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Nguyễn M. H, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N xin vắng mặt, anh H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn xin ly hôn ngày 02/10/20xx và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K. N trình bày: Chị và anh H quen biết tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Phú Đông tỉnh Tiền Giang vào năm 20xx. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau do vấn đề tiền bạc. Đến năm 20xx thì anh H bỏ đi, không sống chung với

chị nữa, anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay, không có liên lạc hàn gắn tình cảm. Nay không còn tình cảm, chị yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn M. H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh H không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyễn đơn chị Nguyễn Thị K. N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh H vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại tòa. Việc vắng mặt của anh H không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh H kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của chị: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau do vấn đề tiền bạc. Đến năm 2018, mâu thuẫn trầm trọng hơn do anh H bỏ đi, không sống chung với chị nữa, anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Về phía anh H, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Cho thấy, anh không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm hàn gắn tình cảm với chị N và mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như chị N trình bày. Do hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[6] Về án phí: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên pH chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K. N được ly hôn với anh Nguyễn M. H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K. N pH chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008723 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị N đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.